

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày 17/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và ông Phạm Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2021/TLST-HS ngày 21/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 07/12/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 13/12/2021, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Bùi Bá Ph, sinh năm 1988 tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Số 7 ngõ 187 phố C, khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Bá N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1963; vợ là chị Nguyễn Thị L và 1 con; Tiền sự: Không;

Tiền án (02): - Bản án số 71/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt Ph 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.500.000đồng). Ngày 07/9/2017 Ph chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 823/GCN ngày 07/9/2017 của Trại giam NL-Tổng cục VIII), nộp án phí ngày 14/3/2017, chưa được xóa án tích.

- Bản án số 59/2018/HSST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt Ph 33 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự). Ngày 26/01/2020 Ph chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 177/GCN ngày 26/01/2020 của Trại giam Thanh Lâm- Cục C10), ngày 26/3/2018 nộp án phí; chưa được xóa án tích.

Nhân thân: - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 13/01/2006 của Công an huyện G, phạt tiền 250.000đồng, về hành vi Đánh bạc. ngày 17/01/2006 Ph chấp hành xong; - Bản án số 36/2021/HS- ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt Ph 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2021 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (phạm tội sau, xử trước).

Hiện bị cáo Ph đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Vũ Văn C, sinh năm 1997 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Số x phố HB, khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Gi và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; vợ con chưa có;

Tiền án (01): Bản án số 124/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt C 25 tháng tù tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 11/5/2019 C chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 804/GCN ngày 11/5/2019 của Trại giam TP- Cục C10), nộp án phí ngày 24/01/2018 và ngày 26/01/2018 chấp hành tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước; chưa được xóa án tích.

Tiền sự (03): - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 ngày 22/5/2020 của Công an xã TN, huyện G về hành vi ném chất bẩn vào nhà người khác, mức phạt tiền 1.500.000đồng; ngày 10/7/2020 chấp hành xong; - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86 ngày 28/5/2020 của Công an huyện G về hành vi dùng lời lẽ chửi bới xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, mức phạt tiền 200.000đồng; ngày 01/6/2020 chấp hành xong; - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XLHC ngày 29/12/2020 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương về hành vi Bán tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có, mức phạt tiền 3.500.000đồng; ngày 30/12/2020 chấp hành xong.

Nhân thân: - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23 ngày 04/3/2013 của Công an huyện G, hình thức cảnh cáo, về hành vi trộm cắp tài sản; - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55 ngày 26/4/2017 của Công an huyện G về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, mức tiền phạt 750.000đồng. - Bản án số 79/2021/HSST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt C 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2020 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (*giá trị tài sản là 3.160.000đồng*), áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm h khoản 1 Điều 52 BLHS (Phạm tội sau, xử trước).

Hiện bị cáo Vũ Văn C đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1989 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Số z phố NH, khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; có vợ là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 71/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương xử phạt C1 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.500.000đồng). Ngày 07/6/2017 C1 chấp hành xong hình phạt tù, nộp án phí ngày 17/02/2017 (Đã được xóa án tích). Bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Lê Đức H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn NT, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; ông Vũ Văn Gi, sinh năm 1941. Địa chỉ: Số x phố HB, khu 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số y phố C, khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)
- Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số z phố NH, khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)
- * **Người làm chứng:** Anh Bùi Công Th, anh Phan Văn H1, anh Nguyễn Công S, anh Vũ Huy H2 (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu mua một chiếc xe máy giá rẻ để đi lại nên anh Lê Đức H, sinh năm 1992 trú tại: thôn NT, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nhờ bạn là anh Bùi Công Th, sinh năm 1994 ở cùng thôn xem biết ai có bán thì bảo anh H. Tối ngày 20/10/2020, anh Th sử dụng mạng xã hội Zalo thì thấy có một người rao bán xe máy giá rẻ trên Zalo. Anh Th có nhắn tin với người này thì anh ta giới thiệu tên là Bùi Bá Ph ở phố C, khu 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Anh Th hỏi và dặn nếu Ph có chiếc xe máy nào giá rẻ thì gọi cho anh.

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/10/2020 Bùi Bá Ph đang ở nhà chơi với Nguyễn Ngọc C1, anh Th vẫn liên lạc qua zalo, nhắn tin hỏi Ph có xe chưa để bạn Th mua. Lúc này Ph nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền mua xe của người mua. Mặc dù Ph không có chiếc xe máy nào bán nhưng Ph vẫn nhắn tin cho anh Th bảo có 01 xe Dream không giấy tờ, bán với giá 5.500.000đồng và hỏi anh Th có mua không. Anh Th nói lại với anh H là ở thị trấn G có người bán xe Dream giá 5.500.000đồng, anh H bảo anh Th hẹn gặp để xem xe, anh H trao đổi lại với Ph, Ph cho Thắng số điện thoại của Ph, hẹn anh Th đến chân cầu TH, thị trấn G, sẽ có người ra dẫn đi xem xe. Sau đó, Ph gọi điện thoại cho Vũ Văn C (là bạn của Ph) bảo đi xe máy Dream màu nâu, không gắn biển kiểm soát mà C vẫn đi, đến nhà Ph chơi (chiếc xe này C thường mượn của anh Vũ HH- sinh năm 2003 trú tại: thôn Tr, xã TH, huyện G, xe đăng kí biển kiểm soát: 20B1- 281.87 nhưng H không lắp biển kiểm soát). Tại nhà Ph có C, C1. Ph kể chuyện có người ở TK muốn mua xe giá rẻ, Ph rủ C1, C dùng xe máy Dream mà C đi để giả vờ bán, lừa lấy số tiền 5.500.000đồng của người muốn mua xe đó, C1 và C đồng ý. Ph bàn bạc với C1 và C, Ph phân công, bố trí như sau: C đi xe Dream này chở Ph và C1 đến nhà anh Nguyễn Công S- sinh năm 1990 trú tại ngõ 26, phố T, khu 8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (vì Ph biết gia đình anh S thường xuyên đi làm không có người ở nhà, cổng, cửa nhà không khóa), C dựng xe ở sân và lên nhà anh S ngồi chờ. C1 sẽ đóng vai người bán xe đi ra cầu TH, thị trấn G đón và đưa người mua xe (sau biết là anh H) đến nhà anh S để anh H xem xe, còn Ph đi ra chỗ khác tránh mặt. Khi anh H giao số tiền 5.500.000đồng để mua xe cho C thì C cầm tiền đi ra cổng rồi bỏ trốn, còn C có nhiệm vụ khi thấy anh H lấy chiếc xe máy này đi về thì ra giữ xe lại bảo xe của C, không cho anh H lấy xe về. C và Công đều đồng ý.

Sau khi bàn bạc phân công nhiệm vụ của từng người xong, C chở Ph và Công bằng xe máy Dream đến nhà của gia đình anh S ở ngõ 26 phố Thống Nhất, thị trấn G, huyện Gia Lộc, thấy nhà anh S không có ai ở nhà, cổng và cửa nhà vẫn mở. C dựng xe

DREAM ở sân, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, cả ba vào nhà anh S ngồi chờ anh H đến. Khoảng 8 giờ ngày 23/10/2020, anh H, anh Th đến chân cầu TH, thị trấn G, Công đi bộ ra dùng điện thoại của mình điện vào số điện thoại của anh Th liên lạc, đón và đưa anh H đi xem xe (số thuê bao điện thoại của anh Th là do Ph cho Công). Anh H cầm điện thoại của anh Th đi theo Công vào trong một nhà ở ngõ 26, phố Thống Nhất, thị trấn G, huyện Gia Lộc để xem xe, còn anh Th vẫn ngồi trên xe ô tô đợi ở cầu TH, thị trấn G. Khi Công đi đón anh H thì C lên nhà anh S ngồi chờ còn Ph đi ra ngoài đứng cách cổng nhà S một đoạn để tránh mặt và để cảnh giới. Công đưa anh H vào nhà anh S để xem xe. Tại sân có dựng sẵn một chiếc xe DREAM, nhãn hiệu HONDA, màu nâu, xe cũ, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe, không có yếm, không gắn biển kiểm soát, Công nói là xe của Công, không có giấy tờ, bán với giá 5.500.000đồng. Sau khi xem và kiểm tra xe xong, anh H đồng ý mua và đưa cho Công số tiền 5.500.000đồng để mua xe. Công cầm số tiền 5.500.000đồng từ anh H, bảo anh H chờ một lúc rồi hãy lấy xe đi về còn Công đi ra ngoài trước. Công đi ra cổng một đoạn thì gặp Ph, nói đã cầm được tiền rồi, Công và Ph trốn về nhà Ph. Một lúc sau, anh H định lấy xe đi về thì C từ trong nhà anh S ra giữ xe lại và bảo đó là xe của mình, có giấy tờ đang hoàn, không bán và không cho anh H lấy xe. Anh H nói với C là đã mua xe này. Khi anh H và C đang tranh cãi thì anh S và anh Phan Văn Hậu sinh năm 1988 ở thôn Gạch, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc đi chơi điện tử về nhà. Do nhiều lần thấy C đi chiếc xe DREAM không biển kiểm soát này nên anh S cũng nói chiếc xe đó là xe của C và bảo anh H gọi người bán xe quay lại. Sau đó, anh H gọi điện vào số điện thoại của người bán xe (số điện thoại của Công) nhưng không liên lạc được nên không lấy được xe máy, cuối cùng phải bỏ ra về. Còn C đi chiếc xe máy trên về nhà và gọi điện thoại thông báo cho Ph biết đã giữ được xe lại. Số tiền 5.500.000đồng lừa được của anh H, Công giữ lại 600.000đồng và đưa cho Ph 4.900.000đồng. Ph và Công đều đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Ngày 15/4/2021, anh H có đơn trình báo đến cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc vụ việc trên. Vụ án được điều tra làm rõ.

Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 20/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Bùi Bá Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc C1 và Vũ Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HDXX):

* Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Bùi Bá Ph, Vũ Văn C, Nguyễn Ngọc C1 phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

* Về hình phạt: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 174; Điều 38, Điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Bá Ph từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; Điều 38, Điểm b,h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn C từ 27 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; Điều 38, Điểm b,h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C1 từ 27 tháng đến 29 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2021.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; Xử lý vật chứng : Không.

* Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Ph, C, C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bị hại- anh Lê Đức H thể hiện: Anh đã nhận khoản tiền bồi thường từ gia đình ba bị cáo tổng là 3.000.000đồng, số tiền 2.500.000đồng còn lại anh tự nguyện cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo hoàn trả và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho ba bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bố mẹ của ba bị cáo trình bày: Các ông bà tự nguyện cho các bị cáo số tiền mà các ông bà đã bồi thường thay cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Các bị cáo Ph, C1, C thừa nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội của ba bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là đúng sự thật, xác định bị VKSND huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo là đúng, các bị cáo ăn năn và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo tính hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai, quan điểm rõ ràng về các tình tiết của vụ án, bị hại đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Việc những người này vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Lời khai của các bị cáo Bùi Bá Ph, Nguyễn Ngọc C1, Vũ Văn C tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, mặc dù Bùi Bá Ph không có chiếc xe máy nào để bán nhưng đã nảy sinh ý định dùng xe máy Dream màu nâu mà Vũ Văn C vẫn đi để lừa bán cho người muốn mua xe để chiếm đoạt tiền của người đó. Ph nhắn tin cho anh Bùi Công Th thông báo có 01 xe Dream cũ, không giấy tờ, bán với giá

5.500.000đồng và hẹn người mua xe đến chân cầu TH, thị trấn G sẽ có người ra dẫn đi xem xe. Đồng thời, Ph đề xuất, rủ Vũ Văn C, Nguyễn Ngọc C1 dùng xe máy Dream mà C đi để giả vờ bán, lừa lấy số tiền 5.500.000đồng của người muốn mua xe đó, C1 và C đồng ý. Ph phân công nhiệm vụ cho C1 và C như sau: C đi xe máy Dream đến nhà anh Nguyễn Công S, sinh năm 1990 ở ngõ 26 phố TN, thị trấn G, huyện G, C dựng xe máy ở sân và vào trong nhà anh S ngồi chờ; C1 đi ra cầu TH đón và đưa người mua xe vào nhà anh S để xem xe, nói là xe của C1 bán với giá 5.500.000đồng, chờ khi người mua xe (anh H) trả tiền mua xe thì C1 cầm tiền đi ra cổng và bỏ trốn; còn C khi thấy anh H trả tiền mua xe cho C1 và lấy xe máy đi về thì C ra giữ xe lại không cho anh H lấy xe về; còn Ph đứng ngoài cổng nhà anh S để cảnh giới, tránh mặt và chờ C1 lấy được tiền của anh H đi ra thì cùng C1 trốn về nhà Ph; C1 và C đồng ý.

Thực hiện sự phân công, thống nhất như trên, vào khoảng 08 giờ ngày 23/10/2020 tại nhà riêng của gia đình anh Nguyễn Công S sinh năm 1990, địa chỉ: ngõ 26, phố TN, khu 8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương các bị cáo Bùi Bá Ph, Nguyễn Văn C1 và Vũ Văn C đã có hành vi lừa bán chiếc xe máy nhãn hiệu Dream màu nâu, xe cũ, không gắn biển kiểm soát, không có yếm xe, thuộc quyền sở hữu của anh Vũ Văn H, sinh năm 2003 trú tại thôn T, xã TH, huyện G (xe do C mượn của anh HH để đi lại) cho anh Lê Đức H sinh năm 1992 trú tại thôn NT, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương chiếm đoạt số tiền 5.500.000đồng của anh H.

[4] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động chân chính, các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất phương án, bố trí sắp đặt phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo, cùng nhau cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (số tiền 5.500.000đồng) của anh Lê Đức H. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính tổ chức, đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Ph có 2 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Mua bán trái phép chất ma túy, trong đó Bản án số 210/2015/HSST ngày 01/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”, bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích mà ngày 23/10/2020 lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Ph đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS. HĐXX xác định VKSND huyện Gia Lộc truy tố bị cáo Ph về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 174 BLHS; truy tố bị cáo C1, C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình cho người dân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của

các bị cáo, tương ứng với vị trí, vai trò của từng bị cáo, qua đó mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo, đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, giữa các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ với nhau. Ph phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo thực hiện, cùng dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật khiến cho người bị hại tin tưởng giao tài sản là số tiền 5.500.000đồng để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Cụ thể: Bị cáo Ph là người đề xuất, chủ mưu, khởi xướng việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H, Ph bàn bạc và phân công nhiệm vụ cho C1 và C cùng thực hiện nhằm mục đích lừa bán chiếc xe máy mà C vẫn đi cho anh H để chiếm đoạt số tiền 5.500.000đồng của anh H. Ph liên H hẹn người mua xe (anh H) đến địa điểm phạm tội, đưa ra thông tin giả và giá bán xe... khiến cho người bị hại tin tưởng có xe máy cũ muốn bán; Khi đồng bọn giả bán xe thì Ph đứng ngoài cổng nhà anh S để cảnh giới và tránh bị phát hiện; Ph là người được hưởng lợi nhiều nhất 4.900.000đồng (trong số 5.500.000đồng) nên Ph là người chủ mưu giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo C1 là người thực hiện hành vi đón anh H, giả vờ là người bán xe và trực tiếp nhận tiền từ anh H, được hưởng lợi một phần trong số tiền lừa được (600.000đồng) nên bị cáo C1 giữ vai trò thứ 2 sau Ph; còn C nhất trí dùng chiếc xe Dream mượn của HH để cùng đồng bọn giả bán để chiếm đoạt tiền từ bị hại, thực hiện hành vi giữ xe lại không cho anh H lấy xe đi về, C không được hưởng lợi từ số tiền đã chiếm đoạt được từ bị hại nên C giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[6] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

- Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đều bị xử phạt vi phạm hành chính, các bị cáo đã chấp hành xong, đối với C tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55 năm 2017 đã hết thời hiệu thi hành quyết định (01 năm kể từ ngày ra quyết định thì không thi hành quyết định nữa), các bị cáo không tái phạm nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; ngoài ra bị cáo C còn có 3 tiền sự là các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an có thẩm quyền, C đã chấp hành xong nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C đã bị kết án (theo bản án 124/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc về tội Mua bán trái phép chất ma túy. C chấp hành xong hình phạt chính ngày 11/5/2019 (theo Giấy chứng nhận số 804/GCN ngày 11/5/2019 của Trại giam Thanh Phong-Cục C10), nộp án phí ngày 24/01/2018 và ngày 26/01/2018 nộp tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước), chưa được xóa án tích theo quy định, nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại khoản 1 Điều 53 BLHS nên bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Ph có 2 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, tình tiết này đã được quy định là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt và bị áp dụng tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS nên không coi đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Ph và C1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại tổng

số tiền 3.000.000đồng; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 174 BLHS, giá trị tài sản chiếm đoạt 5.500.000đồng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự “Người phạm tội bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Thành khẩn khai báo”, “tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ” quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của từng bị cáo, HĐXX thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, bị xử lý tội phạm hình sự và bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân. Các bị cáo đều là thanh niên khỏe mạnh nhưng lại không tu chí làm ăn, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà liên tục thực hiện các hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường trật tự kỷ cương pháp luật. Do đó, lần phạm tội này cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thích hợp để nhà nước giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Ba bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng hình phạt; bị cáo C có 3 tiền sự, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo Phạm tội cao nhất, sau đến C, cuối cùng là C1 là phù hợp. Do bị cáo Phạm tội và C1 đang chấp hành án theo Bản án số 36 ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc và bản án số 79 ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, nay lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có các bản án này. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS, HĐXX quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp hình phạt chung đối với từng bị cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lê Đức H xác định đã nhận khoản tiền bồi thường 3.000.000đồng từ gia đình ba bị cáo, số tiền 2.500.000đồng còn lại anh tự nguyện cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo trả và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền gia đình các bị cáo bồi thường cho anh H (trong đó mẹ của bị cáo Phạm tội bồi thường 1.500.000đồng, bố mẹ bị cáo C bồi thường 500.000đồng, bố của bị cáo C1 bồi thường 1.000.000đồng) bố mẹ các bị cáo tự nguyện cho các bị cáo số tiền đó, không yêu cầu các bị cáo hoàn trả. Ba bị cáo nhất trí. Xét đây là sự tự nguyện của anh H và gia đình ba bị cáo, vấn đề trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về vật chứng và các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, xe cũ, biển kiểm soát 20B1-281.87 đăng ký xe mang tên ông Đỗ Văn Ch ở ĐH, Thái Nguyên: Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Văn H (bố của Vũ Văn H) đã mua. Ông H cho Vũ Văn H sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó, H đã bán chiếc xe

này đi. Khi bị cáo C lấy xe đi H không biết và cũng không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô này vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe là có căn cứ. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với các điện thoại của các bị cáo Ph (điện thoại thông minh), của C1 (Nokia đen trắng), của C (Iphone 5) sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được các điện thoại này, bị cáo Ph và C khai đã bán cho người không rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ được bao nhiêu tiền, không nhớ thời gian bán cũng như tình trạng đặc điểm của điện thoại; bị cáo C1 khai đã làm mất nên cơ quan điều tra không xác minh được, do đó không có căn cứ xử lý.

- Anh Nguyễn Công S, ông Nguyễn Công Tn, bà Đặng Thị Nh sinh sống tại ngôi nhà trong ngõ 26, phố TN, thị trấn G, huyện G đều không biết các bị cáo dùng nhà ở của gia đình mình để thực hiện hành vi phạm tội ngày 23/10/2020 nên không đặt ra xử lý đối với ông Tn, bà Nh và anh S. Cũng như anh Th, anh H, anh S không biết các bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh H nên không đặt ra xử lý những người này là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Bá Ph;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn C;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C1;

Căn cứ các điều 135, 136, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Bá Ph, Vũ Văn C, Nguyễn Ngọc C1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Bá Ph 02 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án. Tổng hợp hình phạt 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2021 tại Bản án số 36/2021/HS-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Buộc bị cáo Bùi Bá Ph phải chấp hành hình phạt 08 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2021.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2020 tại Bản án số 79/2021/HS-ST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Buộc bị cáo Vũ Văn C phải chấp hành

hình phạt 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C1 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 26/8/2021).

2. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Bá Ph, Vũ Văn C, Nguyễn Ngọc C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/12/2021); Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự- Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Gia Lộc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trịnh Thị Ngọc Mai**